

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+RP3	7:25	0+19	0+0		0+8	0+0	
2		P4+VSP02	7:25	0+18	0+0		1+17	0+0	
3		RC8+RC5	7:25	6+12	0+0		4+5	0+0	puma
4		RP3	9:25	19	0		16	0	
5		RC10+RC5+RC4	9:25	4+4+9	0+0+0		0+3+10	0+0+0	
6		VSP02	9:25	17	0		15	0	puma
7		RP3	11:25	19	0		15	0	
8		RP2+TD2	11:25	16+2	0+0		0+0	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RC5-2ng, RP3-7ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2025	TO: BK8 - RP3	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 09:20
xeanh - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ VĂN TOÀN	RP3						75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀI THANH	RP3	49	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG VĂN PHỐ	RP3	600	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	43	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ VĂN NIN	RP3	244-245	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ NGỌC HÙNG	RP3						76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO HỮU HUY TỬ	RP3						75	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	240	1	3			70	KHI	Vietnamese
9	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	39	1	7			78	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY PHU	RP3	42	1	18			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG HOAN	RP3	40-41	2	13			59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	RP3	44-45	2	10			67	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VĂN TUÂN	RP3	46-47	2	27			83	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN VĂN THỊNH	RP3	243	1	5			72	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN THỊ HẠNG	RP3	246	1	3			59	NIPI	Vietnamese
16	HỒ XUÂN HẢO	RP3	48	1	2			78	NIPI	Vietnamese
17	PHẠM MINH TOÀN	RP3	242	1	4			57	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HIỀN	RP3						80	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TỬ	RP3						69	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	0	0	0	0	9	131	0		
2	RP3	19	1.348	18	121	0	0	8		
TOTAL		19	1.348	18	121	9	131	8		
WEIGHT KG			1.348		121		131			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2025		TO: P4 - VSP02		AIRCRAFT: 622		ETD: 07:35				
FLIGHT: 2		FROM: VT		CREW: TRƯỜNG - MMINH		ETA: 09:25				
CAM-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUCHENKO.A	VSP02	26	1	4			138	KH-THAC	Russian
2	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	31	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	VSP02	33	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	SERGIENKO	VSP02	25	1	4			83	KH-THAC	Russian
5	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	35	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	24	1	7	2	25	76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	34	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DƯ	VSP02	36	1	6			75	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	27	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	38	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	39	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY QUANG	VSP02						64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	37	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	32	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	29	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI HUY BÌNH	VSP02	23	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	30	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	28	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	0	0	0	0	0	0	1		
2	VSP02	18	1.317	17	77	2	25	17		
TOTAL		18	1.317	17	77	2	25	18		
WEIGHT KG			1.317		77		25			

GRAND TOAL: 1.419 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2025	TO: RC8 - RC5	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CÔNG - MẠNH	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HUYNH MINH SANG	RC8	21	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG TUAN ANH	RC8	22	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC THUAN	RC8	23	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN CHUNG	RC8	19-20	2	18			79	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN CHUONG	RC8	18	1	12			70	ANTOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC HOA	RC8	17	1	5			65	PSV	Vietnamese
7	POPOV A.	RC5	32	1	3			79	KH-THAC	Russian
8	SYSTEROV R.	RC5	31	1	3			76	KH-THAC	Russian
9	CAO THANH HOP	RC5	39	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HAN	RC5	37	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG DUNG	RC5	36	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUC NHAN	RC5	30	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN KIM THACH	RC5	33-34	2	7			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	RC5	35	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUC	RC5	43	1	15	3	39	77	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG LINH	RC5	40	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TIET	RC5	41-42	2	18			80	KH-THAC	Vietnamese
18	VU CHI CONG	RC5	38	1	9			54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC8	6	442	7	56	0	0	4		
2	RC5	12	887	14	101	3	39	5		
TOTAL		18	1.329	21	157	3	39	9		
WEIGHT KG			1.329		157		39			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 618	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ TẤN CHÂU	RP3	75	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	69	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BAO TOÀN	RP3	59	1	12	1	8	83	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUÝ HAI	RP3	76	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	67	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUANG HÙNG	RP3	72	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	68	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG TRUNG HIẾU	RP3	81-82	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	71	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	80	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	79	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	63	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO ĐỨC THANH	RP3	62	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	61	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH QUANG THANH	RP3	64-65	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RP3	77	1	10	1	13	59	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	66	1	17			73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY CHUÔNG	RP3	73-74	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	70	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.393	22	152	2	21	16		
TOTAL		19	1.393	22	152	2	21	16		
WEIGHT KG			1.393		152		21			

GRAND TOAL: 1.566 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

Công bay tại thành phố

DATE: 07/02/2025		TO: RC10 - RC5 - RC4			AIRCRAFT: 622			ETD: 09:55		
FLIGHT: 05		FROM: VT			CREW: TRƯỜNG - MMINH			ETA: 11:45		
VANG-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	RC10	94	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT HUÂN	RC10	95	1	14	3	56	69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LUÂN	RC10	96	1	12			58	KH-THAC	Vietnamese
4	TÀ HỒNG QUÂN	RC10	98	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TUÂN ANH	RC5	51	1	10			88	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH TÙNG TÀI	RC5	52	1	11	2	25	71	CODIEN	Vietnamese
7	KIỀU MINH QUYẾT	RC5	48	1	6			64	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MINH THỊ	RC4	61	1	10			112	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUỐC THÔNG	RC4	65	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	64	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HUY HOÀNG	RC4	78	1	9	1	17	88	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN XUÂN THÀNH	RC4	67	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RC4	58,60	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	RC4	63	1	10	4	48	81	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC QUÂN	RC4	62	1	13			78	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT TÂM	RC4	66	1	4			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	4	268	4	50	3	56	0		THAO 02 GHE CHO HANG
2	RC5	3	223	3	27	2	25	3		
3	RC4	9	700	10	92	5	65	10		
TOTAL		16	1.191	17	169	10	146	13		
WEIGHT KG			1.191		169		146			

GRAND TOAL: 1.506 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2025	TO: RC5 - VSP02	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CÔNG - MẠNH	ETA: 11:50
TRANG-2			

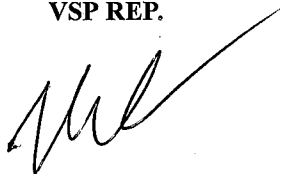
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC DAO	RC5	49-50	2	18	8	120	64	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ TÂN LINH	VSP02	03	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU TRI	VSP02						74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	07	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	LỮ SƠN	VSP02	06	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH ANH BAO	VSP02	12	1	5	2	16	79	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG HOANG DAT	VSP02	10	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	55-56	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	13	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VĂN PHƯƠNG	VSP02	09	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	04	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	VSP02	08	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THAI SƠN	VSP02	05	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	11	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	14	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LƯU VŨ	VSP02	20	1	11			71	ANTOAN	Vietnamese
17	VŨ ANH MINH	VSP02	19	1	10			70	T-TIN	Vietnamese
18	CAO KINH THAO	VSP02	15-16	2	19			71	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	1	64	2	18	8	120	0		
2	VSP02	17	1.194	18	118	2	16	15		
TOTAL		18	1.258	20	136	10	136	15		
WEIGHT KG			1.258		136		136			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LTUẤN - VTHẮNG	ETA: 14:00
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ THANH LÂM	RP3	500	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	01	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	98	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	99	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH TÂN NGON	RP3	49	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC KHANH	RP3	90-91	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TOÀN	RP3	48	1	13	1	18	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC THUẬN	RP3	94-95	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HOÀN	RP3	47	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	96	1	3			62	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH ĐẠO	RP3	88-89	2	19			70	DUY LINH	Vietnamese
12	ĐẶNG TRẦN LONG	RP3	84	1	10			60	DUY LINH	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THOẠI	RP3	92	1	10			71	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	RP3	85-86	2	14			56	DUY LINH	Vietnamese
15	HOÀNG CÔNG LINH	RP3	87	1	13			64	DUY LINH	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG HIỆU	RP3	83	1	11			69	DUY LINH	Vietnamese
17	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	97	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	02	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NAM TRUNG	RP3	93	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.260	23	186	1	18	15		
TOTAL		19	1.260	23	186	1	18	15		
WEIGHT KG			1.260		186		18			

GRAND TOAL: 1.464 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2025	TO: RP2 - TD2	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: MMINH - TTRUNG	ETA: 14:05
NAU - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRỌNG TUÂN	RP2	18	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG MINH HAI	RP2	26	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RP2	06-07	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	RP2	21-22	2	21			84	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CANH LUYEN	RP2	23-24	2	23			72	XAYLAP	Vietnamese
6	PHÙNG QUANG ĐẠI	RP2	15-16	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGHIEM TRINH NHAT	RP2	25	1	14	1	17	63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH HUU HIEU	RP2	10-11	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	RP2	02-03	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN DANH HẠNH	RP2	17	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG MINH HIẾU	RP2	04-05	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	14	1	15			71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DUY	RP2	12-13	2	14			58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG QUYÊN	RP2	08-09	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TUÂN	RP2	20	1	14			78	XAYLAP	Vietnamese
16	VU XUAN CHINH	RP2	19	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
17	LE XUAN THANG	TD2	52-53	2	20			80	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH THE ANH	TD2	51	1	12			66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	16	1.088	25	249	1	17	5		
2	TD2	2	146	3	32	0	0	6		
TOTAL		18	1.234	28	281	1	17	11		
WEIGHT KG			1.234		281		17			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN